

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT
TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50/2008/QĐ-BNN

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC BAN HÀNH DANH MỤC BỔ SUNG GIỐNG CÂY TRỒNG ĐƯỢC PHÉP SẢN
XUẤT KINH DOANH**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP, ngày 03 tháng 1 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Pháp lệnh giống cây trồng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất kinh doanh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau mười lăm ngày kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Trồng trọt, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VP Chính phủ;
- Công báo Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Tổng cục Hải quan; Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ NN & PTNT;
- UBND tỉnh, Tp trực thuộc TƯ;
- Cục BVTV, Vụ PC;
- Lưu: VT, TT.

Bùi Bá Bổng

DANH MỤC

BỔ SUNG GIỐNG CÂY TRỒNG ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT KINH DOANH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 50/2008/QĐ-BNN, ngày 02 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tên giống	Mã hàng hoá
I. CÂY LÚA	
a. Lúa lai	

1. Nhị ưu số 7	1006-10-10-00
2. B-TE1	1006-10-10-00
3. TH3-4	1006-10-10-00
<i>b. Lúa thuần</i>	
1. Khang dân đột biến	1006-10-10-00
2. BM9855	1006-10-10-00
3. BM9820	1006-10-10-00
4. ĐB5	1006-10-10-00
5. ĐB6	1006-10-10-00
6. AC5	1006-10-10-00
7. Hương cốm	1006-10-10-00
8. IR1561-1-2	1006-10-10-00
9. IR35366	1006-10-10-00
10. Xuân Mai	1006-10-10-00
11. Vũ Di 3 (VD3)	1006-10-10-00
12. Việt Hương Chiêm	1006-10-10-00
13. Nam Định 1	1006-10-10-00
14. Mộc Hương	1006-10-10-00
15. TH5	1006-10-10-00
16. T92-1	1006-10-10-00
II. CÂY NGÔ	
<i>a. Ngô lai</i>	
1. LVN 98	1005-10-00-00
2. LVN 145	1005-10-00-00
3. Bioseed 06 (B06)	1005-10-00-00
4. NK67	1005-10-00-00
<i>b. Ngô nếp</i>	
1. MX10	1005-10-00-00
III. GIỐNG MÍA	
1. VN84-422	1212-99-11-00
2. VN85-1427	1212-99-11-00